

24. Thủ tục hành chính: đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến

24.1. Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính

TT	Trình tự thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết
Bước 1	Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:	- Người có yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại) qua hệ thống đăng ký trực tuyến: Cổng dịch vụ công Tỉnh (dichvucong.dongthap.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia (dichvucong.gov.vn). - Người có yêu cầu lựa chọn cơ quan đăng ký là UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ. - Người có yêu cầu cung cấp thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (ĐKKH), xác nhận tình trạng hôn nhân (XNTTHN) (có mẫu kèm theo trên hệ thống đăng ký trực tuyến); đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định; nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến (nếu có) hay nộp trực tiếp khi đến nhận kết quả hoặc bằng cách thức khác theo quy định pháp luật, hoàn tất việc nộp hồ sơ.	- Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.
Bước 2	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính	Đối với hồ sơ được nộp qua Hệ thống đăng ký trực tuyến, công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận TN&TKQ cấp xã) xem xét kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất và hợp lệ của hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử. a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện; b) Trường hợp người có yêu cầu không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Lãnh đạo UBND gửi thông báo từ chối giải quyết theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ để Công chức Tư pháp - Hộ tịch xử lý, đồng thời gửi thông báo cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ thời gian trả kết quả. d) Thông báo qua các cách sau: + Qua chức năng gửi thư điện tử/gửi tin nhắn tới người có yêu cầu của Cổng Dịch vụ công của Tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia; + Qua thư điện tử;	Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc (không để quá 01 giờ làm việc) hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.

		+ Qua tin nhắn qua điện thoại di động.	
Bước 3	Giải quyết thủ tục hành chính	Sau khi nhận hồ sơ trực tuyến từ Bộ phận TN&TKQ cấp xã chuyển qua, Công chức Tư pháp – Hộ tịch xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: - Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận TN&TKQ cấp xã để thông báo cho người nộp hồ sơ - thực hiện lại Bước 2; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đủ điều kiện giải quyết thì: + Đối với trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu ĐKKH tại UBND cấp xã nơi công dân thường trú, công chức làm công tác hộ tịch tự kiểm tra, xác minh thông tin về TTHN của công dân. + Đối với trường hợp công dân Việt Nam có yêu cầu ĐKKH không thường trú tại UBND cấp xã nơi nộp hồ sơ ĐKKH, Công chức Tư pháp – Hộ tịch sử dụng chức năng trên Hệ thống kiểm tra TTHN của công dân (nếu CSDLHTĐT có đủ thông tin của công dân), trường hợp không kiểm tra được TTHN của công dân thì bóc tách hồ sơ XNTTHN chuyển tới UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận TTHN. Công chức Tư pháp – Hộ tịch của UBND cấp xã có thẩm quyền XNTTHN có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống, kiểm tra, xác minh thông tin TTHN của công dân, hoàn tất thủ tục XNTTHN, chuyển trả kết quả là thông tin về GXNTTHN (ký số), TTHN của người có yêu cầu cho UBND cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ ĐKKH. - Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua chức năng gửi thư điện tử/gửi tin nhắn tới người có yêu cầu của Công Dịch vụ công của Tỉnh hoặc Công dịch vụ công Quốc gia; qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu. - Sau khi nhận được kết quả phản hồi về TTHN, trường hợp hai bên nam nữ đủ điều kiện kết hôn, Công chức Tư pháp – Hộ tịch hoàn tất quy trình ĐKKH, ghi vào Sổ đăng ký kết hôn, cập nhật thông tin ĐKKH trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung. - Công chức Tư pháp – Hộ tịch in Giấy chứng nhận kết hôn, trình Lãnh đạo UBND ký, chuyển Bộ phận TN&TKQ cấp xã trả kết quả cho công dân theo quy định.	<i>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ</i> (trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo) nếu đủ điều kiện kết hôn theo quy định, 05 ngày làm việc nếu cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ, trong đó:

		a) Nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định thì: 1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ cấp xã) 2. Giải quyết hồ sơ, trong đó: + Công chức Tư pháp - Hộ tịch + Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã + Văn thư b) Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ. 1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ cấp xã) 2. Giải quyết hồ sơ, trong đó: + Công chức Tư pháp - Hộ tịch + Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã + Văn thư	Trong ngày, trong đó: 01 giờ 07 giờ 04 giờ 02 giờ 01 giờ 05 ngày, trong đó: 0,5 ngày 4,5 ngày 02 ngày 02 ngày 0,5 ngày
Bước 4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Sau khi nhận kết quả từ Công chức Tư pháp – Hộ tịch chuyển qua, công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận TN&TKQ cấp xã nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau: - Thông báo cho người có yêu cầu biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định. - Người có yêu cầu nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra giấy tờ tùy thân của 02 bên nam nữ để xác định đúng nhân thân và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả. - Hai bên nam, nữ phải có mặt, xuất trình giấy tờ tùy thân (hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng) để xác định đúng nhân thân, kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn, trong Sổ đăng ký kết hôn, khẳng định sự tự nguyện kết hôn và ký Sổ ĐKKH, ký Giấy chứng nhận kết hôn, mỗi bên nam, nữ nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.	- Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc.

24.2. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Biểu mẫu điện tử tương tác ĐKKH, XNTTHN.
- Người có yêu cầu tải lên bản chụp các giấy tờ sau:

+ Giấy tờ hợp lệ để chứng minh người có yêu cầu đủ điều kiện kết hôn;

+ Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên;

+ Giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Trường hợp thông tin nơi cư trú đã có trong CSDLQGVC, được điền tự động thì không phải tải lên.

*** Lưu ý:**

- Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

- Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

24.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân (Quy trình giải quyết TTHC: ĐKKH, XNTTHN áp dụng đối với trường hợp người có yêu cầu là công dân Việt Nam thực hiện thủ tục ĐKKH tại Ủy ban nhân dân cấp xã).

24.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ.

Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý CSDLQGVC, cơ quan có liên quan; UBND cấp xã có thẩm quyền xác nhận TTHN.

Lưu ý: Trường hợp người có yêu cầu đăng ký kết hôn trực tuyến có yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn thì công chức làm công tác hộ tịch tham mưu thực hiện theo quy trình cấp bản sao trích lục hộ tịch hiện tại.

24.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), mỗi bên vợ, chồng 01 bản; bản sao Trích lục kết hôn (trường hợp yêu cầu cấp bản sao Trích lục kết hôn).

24.6. Phí, lệ phí:

- Miễn thu lệ phí kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước và đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với công dân Campuchia thường trú thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia.

- Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính: : 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.

*** Lưu ý:**

- Người có yêu cầu đăng ký kết hôn trực tuyến nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến tích hợp trên Cổng dịch vụ công.

- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký kết hôn trực tuyến chưa nộp được lệ phí, phí thông qua chức năng thanh toán trên Cổng dịch vụ công thì nộp tại cơ quan đăng ký hộ tịch khi đến nhận kết quả tại Bộ phận TN&TKQ cấp xã.

23.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân.

23.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc nộp hồ sơ ĐKKH, XNTTHN trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh chỉ được thực hiện với điều kiện Cổng dịch vụ công/Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông dữ liệu với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

- Công dân có yêu cầu giải quyết TTHC ĐKKH, XNTTHN trực tuyến có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định của Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

Việc nộp hồ sơ ĐKKH, XNTTHN trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh chỉ được thực hiện với điều kiện Cổng dịch vụ công/Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh đã hoàn thành việc kết nối, khai thác dữ liệu công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, liên thông dữ liệu với Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

- Công dân có yêu cầu giải quyết TTHC ĐKKH, XNTTHN trực tuyến có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 theo quy định của Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;
- Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm:
 - + Kết hôn giả tạo;
 - + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;
 - + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ;
 - + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

24.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 7, 17, 18 Luật Hộ tịch năm 2014;
- Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 2, 3, 10 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số [107/2021/NĐ-CP](#) ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](#) ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số [47/2020/NĐ-CP](#) ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;
- Điều 2, 3, 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
- Điểm b Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;
- Điều 3 Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (được áp dụng đến hết ngày 31/12/2025).

24.10. Lưu hồ sơ (ISO):

Thành phần hồ sơ lưu	Bộ phận lưu trữ	Thời gian lưu
- Như mục 24.2; - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện. - Hồ sơ thẩm định (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch được giao xử lý hồ sơ	Từ 01 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của UBND cấp xã

- Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có)		
Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	

**NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN, XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN**

I. Thông tin về bên nữ có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);
- (10) Kết hôn lần thứ mấy;
- (11) Tình trạng hôn nhân;
- (12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:
 - ☐ Có
 - ☐ Không

- (13) Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân:

II. Thông tin bên nam có yêu cầu giải quyết TTHC cấp Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân

- (1) Ảnh (trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài);
- (2) Họ, chữ đệm, tên;
- (3) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (4) Giới tính;
- (5) Dân tộc;
- (6) Quốc tịch;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú);

(10) Kết hôn lần thứ mấy:

(11) Tình trạng hôn nhân;

(12) Yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân:

☐ Có

☐ Không

(13) Đề nghị cấp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn:

☐ Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

☐ Không

(14) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, việc kết hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Nơi xác nhận tình trạng hôn nhân là nơi người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú, trường hợp ĐKKH tại nơi thường trú thì không cần xác nhận tình trạng hôn nhân

Người yêu cầu đăng ký kết hôn nhận bản chính Giấy chứng nhận kết hôn trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

Lưu ý: Người có yêu cầu đăng ký kết hôn chỉ cần khai thông tin về họ, chữ đệm, tên; Số định danh cá nhân, các thông tin còn lại sẽ tự động điền vào biểu mẫu điện tử tương tác.

